

CHƯƠNG II: LÂM NGHIỆP
Bài 7: GIỚI THIỆU VỀ RỪNG

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- HS trình bày được khái niệm về rừng và vai trò của rừng đối với đời sống, kinh tế, sản xuất và môi trường.
- HS phân biệt các loại rừng phổ biến hiện nay.

2. Về năng lực:

* *Năng lực chung:*

- HS ứng dụng CNTT vào bài thuyết trình của nhóm mình là cơ hội để phát triển *năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ*
- HS chia sẻ thông tin, phối hợp khi làm việc nhóm để hình thành và phát triển *năng lực giao tiếp và hợp tác*.
- HS chủ động tìm hiểu được thực trạng rừng của nước ta hiện nay về diện tích đất rừng, độ che phủ, diện tích đồi trọc trên các phương tiện thông tin đại chúng. Qua đó là cơ hội để hình thành và phát triển *năng lực tin học, năng lực tự học, tự chủ*.

* *Năng lực riêng:*

- HS trình bày được khái niệm về rừng và vai trò của rừng. Từ đó hình thành và phát triển *năng lực nhận biết công nghệ*
- HS liên hệ biến đổi về thiên tai trong những năm gần đây, rút ra kết luận về mối quan hệ biện chứng giữa diện tích rừng che phủ bị giảm và thiên tai xảy ra. Từ đó hình thành và phát triển *năng lực khoa học và năng lực nhận thức công nghệ*.
- HS phân biệt được các loại rừng phổ biến ở Việt Nam hiện nay là cơ hội để hình thành và phát triển *năng lực sử dụng công nghệ*.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: HS chú ý lắng nghe, nhiệt tình tham gia hoạt động nhóm.
- Trung thực: HS trung thực trong báo cáo kết quả, đánh giá.
- Trách nhiệm:
 - + HS có trách nhiệm với các nhiệm vụ được giao.
 - + HS có ý thức tiết kiệm tài nguyên rừng từ thói quen sử dụng đồ dùng hàng ngày (sách vở, đồ gia dụng..)
- Nhân ái: HS có ý thức tham gia vào các hoạt động tuyên truyền bảo vệ rừng, trồng cây gây rừng, bảo vệ môi trường...
- Yêu nước: Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc phát triển rừng, bảo vệ môi trường sống, cải thiện môi trường sinh thái.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Thiết bị dạy học: máy tính, máy chiếu, bảng phụ, tranh vẽ hình về thành phần của rừng

- Học liệu:

+ SGK, giáo án, bài giảng điện tử, phiếu bài tập.

+ Bảng nội dung về vai trò của rừng – tr 30/SGK

2. *Học sinh*: sách, vở, dụng cụ học tập, bài powerpoint đã chuẩn bị.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- Tổ chức lớp (1')

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (14')	
<p><i>a. Mục tiêu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo thu hút cho HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học. - Rèn năng lực sử dụng ngôn ngữ (Diễn đạt, trình bày ý kiến, nhận định của bản thân) và năng lực quan sát, liên hệ thực tế. <p><i>b. Nội dung:</i> Hiện tượng tự nhiên.</p> <p><i>c. Sản phẩm:</i> Giải thích được nguyên nhân của các hiện tượng tự nhiên.</p> <p><i>d. Tổ chức thực hiện:</i></p>	
<p>* <i>GV chuyển giao nhiệm vụ:</i> đưa ra câu hỏi về hiện tượng tự nhiên.</p> <p>Vì sao mùa lũ nước sông thường có màu đỏ ?</p> <p>* <i>HS thực hiện nhiệm vụ:</i></p> <p>Suy nghĩ trả lời</p> <p>* Sau khi học sinh trả lời <i>GV kết luận và liên kết vào bài mới.</i></p> <p>*HS chú ý lắng nghe</p>	<u>Bài 7</u> : Giới thiệu về rừng

1.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu rừng và vai trò của rừng (30')

a. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về rừng và vai trò của rừng đối với đời sống, kinh tế, sản xuất và môi trường.

- Nhận thấy được ý nghĩa tích cực trong việc trồng, chăm sóc, bảo vệ cây rừng và môi trường sinh thái.

b. Nội dung: Hình ảnh gợi ý về thành phần của rừng, vai trò của rừng

c. Sản phẩm: Phát hiện được kiến thức thông qua hình ảnh gợi ý và làm bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

<p>* GV chuyển giao nhiệm vụ GV yc hs đọc nội dung và cho biết rừng là gì? Gv đưa ra hình 7.1 và yc hs cho biết thành phần của rừng: Thành phần sinh vật Thành phần không phải sinh vật. Kể tên các sản phẩm trong đời sống (trông lớp, trong gia đình)có nguồn gốc từ rừng. * HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, đưa ý kiến, trả lời * Báo cáo: HĐ chung: GV gọi Hs báo cáo. HS báo cáo. HS khác theo dõi phản biện (nếu có) * Đánh giá, kết luận HS ghi bài</p>	<p>I. RỪNG VÀ VAI TRÒ CỦA RỪNG. 1. Khái niệm về rừng Là một hệ sinh thái bao gồm hệ thực vật, vi sinh vật rừng, đất rừng và các yếu tố môi trường khác.</p>
<p>Gv giới thiệu các sản phẩm trong đời sống từ rừng * GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv yc hs đọc nội dung sgk và chiếu hình ảnh về vai trò của rừng và yc hs từ hình ảnh nêu vai trò của rừng * HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ: HS cùng thảo luận, đưa ý kiến, lựa chọn đại diện trả lời * Báo cáo: HĐ chung: GV gọi nhóm hs báo cáo. Đại diện HS báo cáo. HS nhóm khác theo dõi phản biện * Đánh giá, kết luận:</p>	<p>2. Vai trò của rừng. - Làm sạch môi trường không khí. - Phòng hộ: chắn gió, chắn cát, chống xói mòn, lũ lụt, hạn hán, hạn chế tốc độ dòng chảy... - Cung cấp nguyên liệu xuất khẩu và phục vụ cho đời sống. - Phục vụ nghiên cứu khoa học và du lịch, giải trí, bảo tồn nguồn gen động vật, thực vật...</p>
<p>Hoạt động 2.2: Tìm hiểu các loại rừng phổ biến ở Việt Nam (25') a. Mục tiêu: - Kể tên được các loại rừng phổ biến và xác định được vai trò của từng loại rừng đối với đời sống, sản xuất và môi trường. - Phân biệt được các loại rừng phổ biến ở Việt Nam. b. Nội dung: Hình ảnh về các loại rừng, bảng nhận biết các loại rừng phổ biến. c. Sản phẩm: Phát hiện được kiến thức thông qua hình ảnh gợi ý và làm bài tập d. Tổ chức thực hiện:</p>	

** GV chuyển giao nhiệm vụ:*
 Gv yc hs đọc nội dung mục II và thảo luận theo nhóm 4 HS để trả lời câu hỏi:
 Vai trò của các loại rừng phổ biến ở Việt Nam?
 Lấy ví dụ về mỗi loại rừng trên.

** HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:*
 Hs tiếp nhận và phân nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi.

** Báo cáo kết quả:*
 GV gọi nhóm hs báo cáo.
 Đại diện HS báo cáo.
 HS nhóm khác theo dõi phản biện

** Đánh giá, kết luận:*
 Hs ghi bài
 Gv mở rộng về thực trạng rừng hiện nay.

II. CÁC LOẠI RỪNG PHỔ BIẾN Ở VIỆT NAM.

- Rừng phòng hộ: Bảo vệ (nguồn nước, đất, chống xói mòn, hạn chế thiên tai...)
- Rừng sản xuất: Khai thác lâm sản và bảo vệ môi trường
- Rừng đặc dụng: Nơi bảo tồn thiên nhiên...

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (9')

a. Mục tiêu: Luyện tập củng cố nội dung bài học

b. Nội dung: Phiếu bài tập (nội dung phần khám phá)

c. Sản phẩm: HS hoàn thành bài tập trên phiếu.

d. Tổ chức thực hiện:

- Gv hệ thống lại kiến thức toàn bài (sơ đồ tư duy)

**HS chú ý*

** GV chuyển giao nhiệm vụ:* Đánh dấu x vào các ô của bảng sau cho phù hợp:

STT	Vai trò của rừng	Đúng / sai
1	Rừng bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn	
2	Rừng chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng, bảo vệ đê biển	
3	Rừng điều hòa khí hậu, bảo vệ và điều hòa môi trường sinh thái	
4	Một số rừng được sử dụng chủ yếu để sản xuất, khai thác gỗ và một số loại lâm sản	
5	Rừng là nơi bảo vệ di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh	

6	Rừng cung cấp nơi vui chơi, an dưỡng	
7	Rừng là nơi bảo tồn thiên nhiên, nguồn gene sinh vật	
8	Rừng là nơi có thể phục vụ nghiên cứu	
9	Rừng là nơi cư trú của nhiều loại thực vật, động vật	
10	Rừng là nơi cung cấp lương thực cho con người	

Stt	Loại rừng	Tên ảnh
1	Rừng phòng hộ	
2	Rừng sản xuất	
3	Rừng đặc dụng	

- * *Hs tiếp nhận nhiệm vụ:* Làm việc cá nhân.
- * *Báo cáo:* GV chọn HS trả lời cá nhân.
- * *Đánh giá, kết luận:*

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG – MỞ RỘNG (10')

- a. *Mục tiêu:* Liên hệ thực tế tại địa phương
- b. *Nội dung:* Bài tập
- c. *Sản phẩm:* Trả lời câu hỏi.
- d. *Tổ chức thực hiện:*

- * *GV chuyển giao nhiệm vụ:*
 Ở địa phương em có những loại rừng nào?
 Vai trò của rừng đối với lĩnh vực quân sự?
- * *Hs tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* vận dụng kiến thức, hoàn thành nội dung câu hỏi.
- * *Báo cáo*
- * *Nhận xét, đánh giá*
 Gv mở rộng về một số vai trò của rừng trong công cuộc giải phóng đất nước.

- Hướng dẫn về nhà (1')

1. Nêu vai trò của rừng đối với gia đình và địa phương em?
2. Viết một đoạn văn hoặc kể một câu chuyện có nội dung đề cập đến vai trò của rừng.

DUYỆT CỦA NHÀ TRƯỞNG

GV SOẠN GIẢNG

Kiều Thị Thu Thảo

